

Bản án số: 24/2018/HNGĐPT
Ngày: 23, 24/4/2018
*V/v “Tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Tuấn Anh

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Hải

Ông Võ Công Phương

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí là thư ký tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Xuân Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 23 và 24 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 22/2017/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 về: “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 989/2017/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Nguyên P; Trú tại: 132/24 LHP, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Vũ Diễm M; Trú tại: Tổ 19, khu vực 4, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Ngô Thế Q – Công ty Luật TNHH MTV NL.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

4.1. Bà Đặng Thị B; Trú tại: Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bình Định, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Anh Nguyễn Hải Đ; Trú tại: 92 NC, phường T, thành phố Q (Giấy ủy quyền số 922 ngày 03/4/2017 tại Văn phòng công chứng Bình Định, tỉnh Bình Định).

4.2. Anh Nguyễn Viết L; Trú tại: 101 ND, QN, Bình Định.

4.3. Ông Đặng D và bà Nguyễn Thị Tố L; Đều trú tại: 132/24 LHP, QN, Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà L: Chị Mang Thị Ngọc Đ (Theo giấy ủy quyền số 945 ngày 02/3/2017 tại Văn phòng công chứng Thanh Bình, tỉnh Bình Định).

4.4. Chị Mang Thị Ngọc Đ; Trú tại: 105 TCV, QN, Bình Định.

4.5. Ông Nguyễn R, bà Võ Thị M; Trú tại: 101 ND, QN. Ông R ủy quyền cho bà M tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền số 0696 ngày 23/10/2017 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Định).

5. *Người kháng cáo*: Anh Đặng Nguyên P – Nguyên đơn; Chị Nguyễn Vũ Diễm M – Bị đơn.

Các đương sự đều có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Đặng Nguyên P trình bày:

Anh và chị Nguyễn Vũ Diễm M đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng về tài sản và nợ chung anh chị không tự thỏa thuận được vì vậy anh khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản chung của anh và chị M trong thời kỳ hôn nhân bao gồm những tài sản sau:

- 01 ngôi nhà gắn với quyền sử dụng đất tại tổ 19 khu vực 4, phường G, thành phố Q diện tích 46,35m² đã được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 745934 ngày 27/4/2012 (giấy tờ nhà do anh đang quản lý). Hội đồng định giá đã định giá nhà và đất là 1.094.283.000đồng. Anh chưa có chỗ ở nên yêu cầu được sở hữu, sử dụng nhà, đất nêu trên với giá 1.500.000.000 đồng đồng thời thanh toán chênh lệch tài sản cho chị M.

- 01 lô đất diện tích 54,6m² thuộc thửa số 53a tờ bản đồ số 19 tại tổ 3 khu vực 1, phường TQD, thành phố Q đã được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ số BC 265581 ngày 24/9/2010 (giấy tờ đất do chị M đang quản lý); Anh đồng ý giao lô đất này cho chị M sử dụng theo giá mà chị M đưa ra là 200.000.000đồng, chị M phải thanh toán phần chênh lệch cho anh.

- 1.256 cổ phiếu tại Công ty Bia Sài Gòn - Miền Trung, mã cổ đông SMB 02127, phát hành ngày 07.7.2009; anh thống nhất theo xác minh của Tòa án tại thời điểm 14 giờ 25 phút ngày 07.9.2017 thì toàn bộ cổ phiếu trị giá 1.256 cổ phiếu x 26.900đồng/cổ phiếu = 33.786.400đồng. Anh đã nhận cổ tức năm 2015 là 1.909.120đồng và năm 2016 là 2.983.000đồng. Những cổ phiếu này hiện nay đứng tên anh sở hữu. Nếu chị M không nhận cổ phiếu, anh sẽ nhận và thanh toán lại chênh lệch cho chị M.

Một số đồ gia dụng do chị M đang quản lý gồm:

- 01 máy lạnh hiệu Daikin, mua năm 2014, Hội đồng định giá đã định ngày 03.8.2017 là 3.000.000 đồng.

- 01 tủ lạnh hiệu Panasonic do em trai và em dâu chị M là anh Nguyễn Viết L và chị Lê Thị Huỳnh T tặng cho chung vào năm 2014, có giá là 1.500.000đồng.

- 01 máy giặt hiệu Sanyo do được ba mẹ ruột chị My là ông Nguyễn R và bà Võ Thị M tặng cho chung vào năm 2014. Anh và chị M thống nhất giá 1.500.000đồng.

Vì máy lạnh, máy giặt, tủ lạnh gắn với ngôi nhà và đất tại tổ 19, KV4, P.G, TP. Q nên anh yêu cầu được nhận và thanh toán lại phần chênh lệch cho chị M.

Về nợ chung:

- Nợ cha mẹ ruột anh là ông Đặng D và bà Nguyễn Thị Tố L 05 cây vàng hiệu SJC vào ngày 05.01.2014 mục đích mượn để mua nhà và đất tại phường G, thành phố Q.

- Nợ chị Mang Thị Ngọc Đ 02 cây vàng SJC. (Vào ngày 26.01.2014 anh và chị M mượn chị Đ 06 cây vàng SJC, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là 02 năm kể từ ngày mượn, khi mượn có viết giấy mượn vàng, đã trả được 04 cây); Anh sẽ thỏa thuận với chị Đ về khoản vay này.

- Nợ cha mẹ ruột chị M là ông Nguyễn R và bà Võ Thị M số tiền 60.000.000đồng. (Vào khoảng năm 2014 anh và chị M mượn số tiền 110.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, không thỏa thuận thời hạn trả, khi mượn không viết giấy mượn tiền. Khoảng tháng 9.2015 đã trả 50.000.000 đồng).

- Nợ cô ruột anh là bà Đặng Thị B số tiền 14.000.000 đồng vào năm 2001, mục đích mượn tiền để anh và chị M mua lô đất Phường TQD, thành phố Q.

Anh yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung và chia $\frac{1}{2}$ nợ chung.

Riêng số tiền 14.000.000đồng chị M rút từ thẻ ATM vào ngày 25.12.2015 trong đó rút 5.000.000 đồng trong tài khoản BIDV và 9.000.000 đồng trong tài khoản Vietcombank (VCB). Đây là tiền quỹ của lớp Đại học ngoại ngữ mà anh đang quản lý nên anh yêu cầu chị M phải trả lại cho anh toàn bộ số tiền này để anh trả lại cho lớp.

Anh không chấp nhận khoản vay 40.000.000 đồng mà chị M nợ của anh Nguyễn Viết L (em ruột chị M) là nợ chung vì anh không biết gì về khoản vay này.

Anh không lấy hộp nữ trang của chị M như chị M trình bày. Khi vợ chồng mâu thuẫn, chị M rút hết tiền trong tài khoản nên anh không có tiền để đi dự đám cưới vì vậy anh đã lấy 01 lắc tay của cháu M2 trọng lượng 01 chỉ vàng 99,99% để cầm cố hiện nay anh đã chuộc lại. Do cháu M2 cắt đứt liên lạc với anh và gia đình bên nội nên anh chưa có cơ hội để trả lại cho cháu M2.

Bị đơn chị Nguyễn Vũ Diễm M trình bày:

Tài sản chung giữa chị và anh Đặng Nguyên P gồm có:

- 01 ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 46,35 m² tại tổ 19, khu vực 4, phường G, thành phố Q đã được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ ngày 16.01.2014 hiện nay chị và cháu M2 đang ở. Chị yêu cầu được sở hữu và sử dụng nhà, đất nói trên để cháu M2 ổn định việc học hành và sinh hoạt.

- 01 lô đất có diện tích 54,6m² tại tổ 3, khu vực 1, phường TQD, thành phố Q đã được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ ngày 24.9.2010 (Giấy CNQSDĐ do anh P đang giữ). Theo chị, giá trị lô đất nói trên là 200.000.000 đồng. Chị yêu cầu được sử dụng lô đất, chị sẽ thanh toán chênh lệch cho anh P.

- 1.256 cổ phiếu tại Công ty Bia Sài Gòn – Miền Trung như anh P trình bày. Chị thống nhất toàn bộ cổ phiếu có giá 33.786.400 đồng. Những cổ phiếu này hiện nay anh P đang giữ. Chị yêu cầu nhận số cổ phiếu nói trên và thanh toán chênh lệch cho anh P. Riêng cổ tức năm 2015 và 2016 anh P đã nhận nên chị yêu cầu anh P phải giao lại cho chị ½.

- 01 máy lạnh hiệu Daikin do chị đang quản lý.

Nợ chung:

- Nợ của vợ chồng ông Đặng D và bà Nguyễn Thị Tố L (cha mẹ của anh P) 05 cây vàng nhưng là vàng 99,99% không phải vàng SJC.

- Nợ cha mẹ ruột chị là ông Nguyễn R và bà Võ Thị M 110.000.000 đồng. Thời gian khoảng tháng 9.2015 anh P đang học tập ở Thái Lan, chị đã trả được 50.000.000 đồng còn nợ 60.000.000 đồng.

- Nợ của chị Đ 06 cây vàng SJC vào ngày 26.01.2014. Đã trả được 04 cây SJC (trong đó có 03 cây SJC trả khi anh P chưa đi Thái Lan còn 01 cây trả vào ngày 26.4.2015 anh P đang ở Thái Lan) còn nợ 02 cây vàng SJC. Chị đã thỏa thuận với chị Đ về khoản vay này.

- Nợ cô ruột anh P là bà Đặng Thị B 14.000.000 đồng. Số tiền này là do bà B giao cho anh P giữ sau đó chị và anh P thống nhất dùng vào việc hiếu nghĩa khi ba mẹ anh P sửa nhà không phải mượn để mua lô đất Phường TQD, Tp. Q như anh P trình bày.

- Trong thời gian anh P đang học tập ở nước ngoài, khoảng tháng 3/2015 chị có mượn em ruột là anh Nguyễn Việt L 40.000.000 đồng để mua vàng trả nợ cho chị Đ. Chị đã nhiều lần gửi email cho anh P hỏi ý kiến về khoản nợ này nhưng anh P không trả lời. Đây là nợ chung của chị và anh P nên anh P phải có trách nhiệm cùng chị trả nợ.

Chị yêu cầu chia đôi các khoản nợ còn tài sản chung chia thành 04 phần trong đó chị nhận 02 phần vì công sức đóng góp tạo nên khối tài sản chung của chị nhiều hơn anh P, cụ thể chị đóng góp nhiều hơn anh P 537.000.000 đồng, anh P 01 phần và cháu M2 (con chung giữa chị và anh P) 01 phần.

Riêng các tài sản như 01 tủ lạnh và 01 máy giặt do gia đình chị tặng riêng cho chị khi về nhà mới. Chị thống nhất giá trị còn lại mỗi tài sản là 1.500.000 đồng. Hiện nay những tài sản này đã bị anh P phá hỏng nên chị đã bán đồng nát được 200.000 đồng.

Chị thừa nhận vào ngày 25.12.2015 có rút từ thẻ ATM của anh P số tiền 14.000.000đ để nuôi con, trả nợ và lo chi phí trong gia đình nên chị không đồng ý trả lại số tiền này cho anh P.

Chị yêu cầu anh P trả lại cho chị 01 hộp nữ trang trong đó có 01 Lắc tay nữ (của cháu M2) 01 chỉ vàng 99,99%, 01 Lắc tay nữ (của chị) 01 chỉ vàng 99,99%, 02 chỉ nhẫn vàng 99,99%, 02 chỉ nhẫn vàng 24k, 03 đôi bông tai (03 chỉ vàng 24k), 02 sợi dây chuyền trị giá 02 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền vàng 5 phân 24k vì anh P đã thừa nhận trước cha mẹ hai bên về việc anh có lấy hộp nữ trang này.

Tài sản riêng của chị là 01 cây vàng SJC đã trả cho chị Đ trong thời gian anh P đang ở Thái Lan và 50.000.000 đồng đã trả cho cha mẹ ruột chị là từ nguồn tiền cá nhân chị trả. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trước khi chia tài sản chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị B do anh Nguyễn Hải Đ đại diện trình bày:

Bà B là cô ruột anh P. Khoảng năm 2001 (không nhớ rõ ngày, tháng) bà B cho anh P, chị M mượn 14.000.000 đồng để anh P, chị M mua lô đất Phường TQD, thành phố Q. Khi cho mượn không viết giấy tờ. Từ ngày mượn cho đến nay chưa trả. Bà B yêu cầu chị M và anh P trả 14.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

2. Anh Nguyễn Việt L trình bày:

Anh là em ruột của chị M. Khoảng tháng 3.2015 (không nhớ rõ ngày) chị M có mượn của anh 40.000.000 đồng để chị M trả nợ. Khi mượn hai bên không viết giấy tờ. Anh yêu cầu chị M và anh P cùng trả cho anh số tiền 40.000.000 đồng.

3. Chị Mang Thị Ngọc Đ trình bày:

Ngày 26.01.2014 chị cho anh P và chị M mượn 06 cây vàng SJC. Anh P, chị M đã trả được 04 cây SJC còn nợ 02 cây SJC.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đ tự nguyện rút yêu cầu độc lập.

4. Người đại diện theo ủy quyền của ông D và bà L là chị Mang Thị Ngọc Đ trình bày:

Ông bà là cha mẹ ruột anh P. Ngày 05.01.2014, ông bà cho anh P, chị M mượn 05 cây vàng SJC để mua nhà và đất tại P. G, Tp. Q. Từ đó cho đến nay anh P, chị M vẫn chưa trả nên ông bà yêu cầu chị M và anh P phải trả cho ông bà 05 cây vàng SJC, không yêu cầu lãi.

5. Bà Võ Thị M trình bày:

Bà và ông Nguyễn R là cha mẹ ruột của chị M. Khoảng năm 2014 (không nhớ rõ ngày tháng) vợ chồng bà cho anh P, chị M mượn 110.000.000 đồng. Khoảng tháng 9.2015 anh P, chị M đã trả 50.000.000 đồng còn lại 60.000.000 đồng từ đó cho đến nay chưa trả. Vì vậy vợ chồng bà yêu cầu chị M và anh P phải trả 60.000.000 đồng, không yêu cầu lãi.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 989/2017/HNGĐ-ST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của nguyên đơn anh Đặng Nguyên P.

2. Về tài sản chung:

2.1. Giao cho chị Nguyễn Vũ Diễm M được quyền sở hữu các tài sản chung là:

- 01 căn nhà và đất tại tổ 19, KV4, P. G, TP. Q; diện tích: 46,35m², thửa đất số 214a1; tờ bản đồ số 17; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 745934 do UBND TP. Q cấp ngày 27.4.2012 mang tên anh Đặng Nguyên P và chị Nguyễn Vũ Diễm M.

- 01 lô đất tọa lạc tại tổ 3, KV1, P. TQD, TP. Q; Thửa đất số 53a, tờ bản đồ số 19; Diện tích 54,6m²; được UBND TP. Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 265581 ngày 24.9.2010; mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm; Thời hạn sử dụng đất đến tháng 12.2017.

- 01 máy lạnh hiệu Daikin (gắn với căn nhà tại tổ 19, KV4, P. G, TP. Q).

- 1.256 cổ phiếu của Công ty Bia Sài Gòn - Miền Trung, mã cổ đông SMB 02127, phát hành ngày 07.7.2009.

2.2. Giao cho anh Đặng Nguyên P sở hữu số tiền cổ tức năm 2015 và năm 2016 của Công ty Bia Sài Gòn - Miền Trung là 4.892.120 đồng.

2.3. Anh P có trách nhiệm giao lại cho chị M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 745934 do UBND TP. Q cấp ngày 27.4.2012 mang tên anh Đặng Nguyên P và chị Nguyễn Vũ Diễm M.

2.4. Chị Nguyễn Vũ Diễm M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Vũ Diễm M có trách nhiệm liên hệ với Công ty Bia Sài Gòn - Miền Trung để làm thủ tục chuyển tên quyền sở hữu 1.256 cổ phiếu.

3. Về nợ chung: Chị Nguyễn Vũ Diễm M có trách nhiệm trả các khoản nợ chung là:

3.1. Trả cho bà Đặng Thị B số tiền 14.000.000 đồng.

3.2. Trả cho anh Nguyễn Việt L số tiền 40.000.000 đồng.

3.3. Trả cho ông Đặng D và bà Nguyễn Thị Tố L 05 cây vàng 99,99%.

3.4. Trả cho ông Nguyễn R, bà Võ Thị M số tiền 60.000.000 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị M, buộc anh P giao lại 01 lắc tay trị giá 01 chỉ vàng 99,99% cho chị M để chị M giao lại cho cháu M2.

5. Không chấp nhận lời nại của chị M đối với những yêu cầu sau:

5.1. Yêu cầu anh P trả 01 hộp nữ trang của chị và cháu M2, gồm: 01 Lắc tay nữ (của chị M) 01 chỉ vàng 99,99%, 02 chỉ nhẫn vàng 99,99%, 02 chỉ nhẫn vàng 24k, 03 đôi bông tai (03 chỉ vàng 24k), 02 sợi dây chuyền trị giá 02 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền vàng 5 phân 24k vì không có căn cứ.

5.2. Yêu cầu chia tài sản riêng là 01 cây vàng SJC đã trả cho chị Đ (vào ngày 26.4.2015) và 50.000.000 đồng đã trả cho cha mẹ ruột chị là ông R và bà M vì không hợp lý.

5.3. Yêu cầu tính công sức đóng góp tạo lập nên khối tài sản chung của chị nhiều hơn anh P và yêu cầu chia tài sản chung thành 04 phần vì không phù hợp quy định pháp luật.

6. Buộc chị M có trách nhiệm thối lại giá trị chênh lệch cho anh P là 721.172.140đ.

Buộc chị M trả lại cho anh P 14.000.000 đồng (số tiền chị M rút từ tài khoản của anh P vào ngày 25/12/2015).

7. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị B, anh Nguyễn Việt L, ông Nguyễn R và bà Võ Thị M.

Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng D và bà Nguyễn Thị Tố L yêu cầu anh P và chị M trả 05 cây vàng (nhưng trả vàng 99,99% chứ không phải SJC).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị Mang Thị Ngọc Đ và anh Đặng Nguyên P, chị Nguyễn Vũ Diễm M.

Ngoài ra Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá tài sản, về án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 09.11.2017 nguyên đơn anh Đặng Nguyên P kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền 40.000.000 đồng mà chị Nguyễn Vũ Diễm M vay của anh Nguyễn Viết L (em ruột chị M) trong thời gian anh đi học ở Thái Lan. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền này là nợ chung của vợ chồng là không thỏa đáng.

- Ngày 07.11.2017 bị đơn chị Nguyễn Vũ Diễm M có đơn kháng cáo yêu cầu:

1. Xem xét lại khoản tiền 14.000.000 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc chị trả cho anh P là không có căn cứ.

2. Xem xét lại khoản tiền 50.000.000 đồng chị đã trả cho ba mẹ chị (ông Nguyễn R, bà Võ Thị M là tài sản riêng của chị).

3. Xem xét yêu cầu tính công sức đóng góp cho việc tạo lập tài sản chung của chị nhiều hơn anh P.

4. Tủ lạnh Panasonic và máy giặt Sanyo là tài sản riêng của mẹ và em trai chị tặng riêng cho chị không phải là tài sản chung, khi mâu thuẫn xảy ra anh Phúc đã đập phá hư hỏng, không còn sử dụng được nữa nên chị đã bán đồng nát từ khi anh P chưa đưa đơn ly hôn.

5. Yêu cầu anh P phải trả lại hộp nữ trang cho chị trong đó có số nữ trang trị giá 37.000.000 đồng.

6. Về ngôi nhà tại tổ 19, khu vực 4, phường G, TP Q, yêu cầu xem xét lại giá nhà và đất theo biên bản định giá (lần 2) ngày 06.9.2017 để tạo điều kiện cho chị có chỗ ở ổn định nuôi con.

7. Yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ: Anh P có nghĩa vụ trả nợ cho cha mẹ anh P (ông Đặng D, bà Nguyễn Thị Tố L) và bà Đặng Thị B, chị có nghĩa vụ trả nợ cho cha mẹ chị (ông Nguyễn R, bà Võ Thị M) và anh Nguyễn Viết L trên cơ sở tính toán cân đối phân chia tài sản chung và nghĩa vụ để thuận lợi trong việc trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Sửa bản án sơ thẩm: Đối với khoản tiền 14.000.000 đồng chấp nhận yêu cầu của anh P buộc chị M phải trả lại cho anh P 9.000.000 đồng; Không chấp nhận kháng cáo của chị M về yêu cầu xem xét công sức đóng góp vào khối tài sản chung của chị nhiều hơn anh P; Tủ lạnh và máy giặt là tài sản riêng của chị M; khoản vay 40.000.000 đồng của anh Nguyễn Viết L là nợ chung của anh P và chị M trong thời kỳ hôn nhân và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại cách tính án phí của cấp sơ thẩm. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những yêu cầu kháng cáo của chị M mà tại phiên tòa phúc thẩm chị M đã xin rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Vũ Diễm M chỉ còn kháng cáo yêu cầu những vấn đề cụ thể như sau:

1. Không đồng ý trả lại cho anh Đặng Nguyên P 14.000.000 đồng.

2. Tủ lạnh Panasonic và máy giặt Sanyo là tài sản của mẹ và em trai chị tặng riêng cho chị không phải là tài sản chung. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh P đã

đập phá hư hỏng, không còn giá trị sử dụng nên chị đã bán đồng nát từ khi anh P chưa đưa đơn ly hôn.

3. Tính công sức đóng góp cho việc tạo lập tài sản chung của chị nhiều hơn anh P.

[1] Chị M xin rút các yêu cầu kháng cáo như: Xem xét lại khoản tiền 50.000.000 đồng chị đã trả cho ba mẹ chị (ông Nguyễn R, bà Võ Thị M) là tài sản riêng của chị; Yêu cầu anh P phải trả lại hộp nữ trang cho chị trong đó có số nữ trang trị giá 37.000.000 đồng; đối với ngôi nhà tại tổ 19, khu vực 4, phường G, TP Q, yêu cầu xem xét lại giá nhà và đất theo biên bản định giá ngày 06/9/2017 để tạo điều kiện cho chị có chỗ ở ổn định nuôi con; Yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ: Anh P có nghĩa vụ trả nợ cho cha mẹ anh P (ông Đặng D, bà Nguyễn Thị Tố L) và bà Đặng Thị B, chị có nghĩa vụ trả nợ cho cha mẹ chị (ông Nguyễn R, bà Võ Thị M) và anh Nguyễn Viết L trên cơ sở tính toán cân đối phân chia tài sản chung và nghĩa vụ để thuận lợi trong việc trả nợ.

Xét thấy việc rút các yêu cầu kháng cáo trên của chị M là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của chị M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Chị M thừa nhận chị đã rút tổng số tiền 14.000.000 đồng vào ngày 25.12.2015 từ 02 thẻ ATM (thẻ ATM của BIDV 5.000.000 đồng và thẻ ATM của VCB 9.000.000 đồng) do anh P đứng tên chủ thẻ vì chị cho rằng đây là tiền lương của anh P nên chị rút để trang trải cho sinh hoạt gia đình. Tuy nhiên, anh P cho rằng tiền lương và thu nhập của anh được cơ quan anh là Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định chi trả qua thẻ tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định số tài khoản 58010000295406. Theo anh P, anh có 03 thẻ ATM trong đó có 02 thẻ của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) và 01 thẻ của Ngân hàng ngoại thương (VCB); Thẻ ATM có số tài khoản sau cùng là 406 là thẻ lương anh đưa cho chị M, 02 thẻ còn lại là tiền quỹ lớp đại học của anh do anh quản lý. Khi vợ chồng mâu thuẫn, chị M đã lấy 02 thẻ này để rút số tiền 14.000.000 đồng. Sở dĩ chị M rút được tiền từ 02 thẻ này là vì cả 03 thẻ ATM của anh đều có chung một mã pin. Về số tiền 9.000.000 đồng trong tài khoản VCB anh P khai đây là tiền do chị Phan Thị Kim C - cựu học viên lớp đại học của anh ở nước ngoài gửi về 400 USD, anh đổi thành tiền Việt Nam là 9.000.000 đồng còn số tiền trong tài khoản BIDV là do các học viên trong lớp gửi từ năm 2006. Chị M thừa nhận việc chị có nghe anh P nói chị C có gửi về 400 USD nhưng anh P nói số tiền này chị C gửi cho cháu M2. Tuy nhiên, anh P không công nhận mà khẳng định đây là tiền của lớp. Như vậy, có căn cứ để xác định rằng khoản tiền 9.000.000 đồng tại VCB là tiền riêng của anh P. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh P chỉ yêu cầu chị M trả lại 9.000.000 đồng mà chị đã rút từ thẻ ATM của VCB, còn số tiền 5.000.000 đồng mà chị M đã rút từ thẻ ATM của BIDV anh không yêu cầu vì theo anh, việc chứng minh số tiền này của các học viên trong lớp anh sẽ mất nhiều thời gian. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, sửa án sơ thẩm buộc chị M phải trả lại cho anh P 9.000.000 đồng.

[2.2] Chị M và anh P đều công nhận ngày anh chị tổ chức về nhà mới, vợ chồng em trai chị M là Nguyễn Viết L và Lê Thị Huỳnh T đã tặng cho 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; cha mẹ chị M là ông R, bà M tặng cho 01 máy giặt hiệu

Sanyo. Anh P cho rằng việc tặng cho nêu trên là cho chung nhưng chị M cho rằng cho riêng chị, vợ chồng anh L và vợ chồng ông R đều cho rằng những tài sản trên là cho riêng chị M vì vậy đây là tài sản riêng của chị M. Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tài sản chung của anh P và chị M là chưa phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh P cũng thống nhất tủ lạnh hiệu Panasonic và máy giặt hiệu Sanyo là tài sản của chị M được cho riêng nên không yêu cầu chia.

[2.3] Chị M cho rằng chị có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo ra khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh P nhưng anh P không công nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng: anh chị đều là cán bộ, viên chức nhà nước; thu nhập chính từ lương và phụ cấp; việc tạo lập những tài sản trong gia đình đều do anh chị cùng vay mượn và cùng có trách nhiệm trả nợ; Trong thời gian anh P đi học tập ở nước ngoài, anh P để lương và phụ cấp khác cho chị M sử dụng và trang trải trong gia đình còn chị M thì dạy thêm ngoại ngữ nên việc đóng góp vào khối tài sản chung của anh chị là như nhau vì vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận việc chị M đóng góp vào khối tài sản chung nhiều hơn anh P để chia giao cho chị M nhiều hơn.

[3] Anh Đặng Nguyên P kháng cáo không chấp nhận khoản nợ 40.000.000 đồng mà chị M cho rằng đã vay của anh Nguyễn Việt L trong thời gian anh đi học ở Thái Lan là nợ chung. Xét kháng cáo của anh P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khoản vay 40.000.000 đồng là do chị M vay của em ruột chị là anh Nguyễn Việt L, việc vay mượn không viết giấy tờ và anh P không biết, anh L cũng công nhận anh giao tiền cho chị M, không thông báo với anh P về khoản vay này. Mặt khác, thời điểm tháng 4.2015 quan hệ hôn nhân giữa chị và anh P vẫn bình thường, chị M vẫn gửi tin nhắn qua điện thoại cho anh P trong đó có tin nhắn tổng kết nợ chung của vợ chồng nhưng không đề cập đến khoản vay 40.000.000 đồng của anh L (tin nhắn do chị M gửi anh P vào lúc 08h46 ngày 06.5.2016); Bản khai ban đầu của chị M đề ngày 18.12.2016 cũng không đề cập đến khoản vay của anh L nên không có căn cứ để cho rằng khoản tiền này nợ chung của chị và anh P mà là nợ riêng của chị M nên chị M phải có trách nhiệm trả cho anh L. Vì vậy Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần này.

Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của anh P, chị M trong thời kỳ hôn nhân là: 1.741.678.520 đồng, bao gồm:

Nhà, đất tại tổ 19, khu vực 4, phường G: 1.500.000.000 đồng,

Đất tại tổ 3, khu vực 1, phường TQD: 200.000.000 đồng.

Cổ phiếu tại Công ty bia Sài Gòn - Miền Trung: 1.256 cổ phiếu = 33.786.400 đồng.

Cổ tức của năm 2015 và 2016: 4.892.120 đồng.

Máy giặt hiệu DAIKIN: 3.000.000 đồng.

Anh P và chị M phải trả nợ chung là: 252.550.000 đồng, bao gồm các khoản:

Nợ vợ chồng ông R, bà M: 60.000.000 đồng.

Nợ bà B : 14.000.000 đồng

Nợ vợ chồng ông D, bà L 05 cây vàng tương đương 178.550.000 đồng

Tổng giá trị tài sản chung của anh P, chị M sau khi phải trả nợ chung 252.550.000 đồng còn lại là 1.489.128.520 đồng nên anh P, chị M mỗi người được chia 744.564.260 đồng. Chị M đang quản lý tài sản có giá trị là:

1.736.786.400 đồng; anh P đang quản lý 4.892.120 đồng. Chị M có trách nhiệm trả khoản nợ chung là 252.550.000 đồng và thanh toán chênh lệch cho anh P 742.118.200 đồng.

Chị M phải trả nợ riêng cho anh L 40.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội anh P và chị M mỗi người phải chịu 33.782.570 đồng án phí đối với tài sản được nhận và 6.313.750 đồng đối với nợ chung phải trả tổng cộng 02 khoản anh P và chị M mỗi người phải chịu 40.096.320 đồng. Riêng chị M còn phải chịu 2.000.000 đồng án phí DSST đối với khoản vay 40.000.000 đồng của anh Nguyễn Việt L tổng cộng chị M phải chịu 42.096.320 đồng.

Về án phí Dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội anh P, chị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị M đề nghị xem xét công sức đóng góp của chị M vào khối tài sản chung nhiều hơn anh P, khoản tiền 40.000.000 đồng mà chị M vay của anh Nguyễn Việt L là nợ chung của chị M và anh P, số tiền 14.000.000 đồng là tiền lương của anh P. Đề nghị của luật sư không phù hợp với nhận định của Tòa nên không được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Đối với khoản tiền 14.000.000 đồng chấp nhận yêu cầu của anh P buộc chị M phải trả lại cho anh P 9.000.000 đồng; Không chấp nhận kháng cáo của chị M về yêu cầu xem xét công sức đóng góp vào khối tài sản chung của chị nhiều hơn anh P; Tủ lạnh và máy giặt là tài sản riêng của chị M; khoản vay 40.000.000 đồng của anh Nguyễn Việt L là nợ chung của anh P và chị M trong thời kỳ hôn nhân và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại cách tính án phí của cấp sơ thẩm. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những yêu cầu kháng cáo của chị M mà tại phiên tòa phúc thẩm chị M đã xin rút là phù hợp một phần với nhận định của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 20 Điều 3; khoản 1, 3 Điều 33; khoản 2 Điều 37, Điều 43, Điều 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 26, khoản 7 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Giao cho chị Nguyễn Vũ Diễm M được sở hữu các tài sản gồm:

- 01 ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 46,35m² tại tổ 19, khu vực 4, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình định thuộc thửa đất số 214a1; tờ bản đồ số 17 theo Giấy chứng quyền nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản gắn liền với đất số BE 745934 do UBND thành phố Q cấp ngày 27.4.2012 đứng tên Đặng Nguyên P và Nguyễn Vũ Diễm M.

- 01 lô đất có diện tích 54,46m² thuộc thửa đất số 53a tờ bản đồ số 19 tại tổ 3, khu vực 1, phường TQD, thành phố Q đã được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 265581 ngày 24.9.2010.

- 01 máy điều hòa hiệu Daikin (gắn với căn nhà tại tổ 19, KV4, P. Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn); 01 tủ lạnh hiệu Panasonic và 01 máy giặt hiệu Sanyo (tài sản riêng của chị M).

- 1.256 cổ phiếu của Công ty Bia Sài Gòn - Miền Trung, mã cổ đông SMB 02127, phát hành ngày 07/7/2009.

2. Buộc chị Nguyễn Vũ Diễm M có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị B 14.000.000đồng; trả vợ chồng ông Đặng D và bà Nguyễn Thị Tố L 05 cây vàng 99,99%; vợ chồng ông Nguyễn R, bà Võ Thị M 60.000.000 đồng.

3. Buộc chị M phải thanh toán chênh lệch cho anh P là 742.118.200 đồng.

4. Buộc chị M trả lại cho anh P 9.000.000 đồng.

5. Buộc chị M phải trả cho anh Nguyễn Viết L 40.000.000 đồng

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

6. Buộc anh Đặng Nguyên P phải giao lại cho chị Nguyễn Vũ Diễm M Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 745934 do UBND thành phố Q cấp ngày 27/4/2012 đứng tên Đặng Nguyên P và Nguyễn Vũ Diễm M.

7. Bác yêu cầu của chị M về việc tính công sức đóng góp tạo lập nên khối tài sản chung của chị nhiều hơn anh P

8. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Đặng Nguyên P phải chịu 40.096.320 đồng được trừ 13.100.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004073 ngày 30.11.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q nên còn phải nộp 26.996.320 đồng.

- Chị Nguyễn Vũ Diễm M phải chịu 42.096.320 đồng được trừ 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004769 ngày 05.6.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q còn phải nộp 40.346.320 đồng.

9. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Đặng Nguyên P, chị Nguyễn Vũ Diễm M không phải chịu. Hoàn lại cho anh P, chị M mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005546 ngày 15.11.2017 và Biên lai số 0005561 ngày 17.11.2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, yêu cầu thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TP Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Tuấn Anh